

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 28-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Bà Nguyễn Thị Kim Oanh;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T (T1)**, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp TH, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp BL, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Lê Thị T2**, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp TH, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày:* Do có quen biết với nhau nên chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Bé H mượn tiền nhiều lần để xây nhà, cụ thể như sau:

- Ngày 06-01-2019 âm lịch cho mượn 30.000.000 đồng; Biên nhận này chị H ghi mượn tiền của Thuận là do chị mượn tiền của chị Lê Thị T2 để cho chị H mượn lại, thực tế là mượn tiền của chị.

- Ngày 10-01-2019 âm lịch cho mượn tiếp 100.000.000 đồng, sau đó lấy thêm 25.000.000 đồng;

- Ngày 15-01-2019 âm lịch cho mượn 10.000.000 đồng;

- Ngày 25-01-2019 âm lịch cho mượn 20.000.000 đồng;

- Sau đó anh Đ, chị H tiếp tục mượn của chị nhiều lần nữa với số tiền 83.000.000 đồng, cụ thể là biên nhận ghi mượn 9 H 10.000.000 đồng, sau đó lấy thêm 20.000.000 đồng; và biên nhận nhận thêm 53.000.000 đồng không ghi ngày.

Như vậy, tổng cộng anh Đ, chị H mượn tổng cộng của chị số tiền 268.000.000 đồng. Những lần mượn tiền chị H đều tự viết biên nhận và ký tên, hứa khi nào chị cần tiền thì sẽ trả lại. Từ tháng 8-2019, chị nhiều lần đòi tiền nhưng chị H, anh Đ không trả nên chị kiện đòi.

\*. *Bị đơn, chị Nguyễn Thị Bé H trình bày:* Chị có mượn tiền của chị T nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 10-01-2019 âm lịch, chị có mượn của chị T 100.000.000 đồng, sau đó khoảng 02 tháng thì chị lấy thêm của chị T số tiền 25.000.000 đồng, cả hai số tiền này được viết trên 01 tờ giấy, do chị viết, phần 100.000.000 đồng chị có ký tên, còn 25.000.000 đồng thì chỉ viết chữ không có ký tên, nhưng chị có nhận tổng cộng 125.000.000 đồng của chị T ở phần này.

- Ngày 06-01-2019 âm lịch, chị có nhận từ chị T số tiền 30.000.000 đồng, chị T nói số tiền này lấy từ người tên T2, nhưng chị T là người trực tiếp đưa tiền cho chị. Chị có viết biên nhận và ký tên.

- Ngày 15-01-2019 âm lịch, chị có mượn chị T số tiền 10.000.000 đồng, chị viết biên nhận và ký tên.

- Ngày 25-01-2019 âm lịch, chị có mượn chị T số tiền 20.000.000 đồng, chị có viết biên nhận và ký tên.

- Chị có nhận từ chị T số tiền 10.000.000 đồng, sau đó lấy thêm 20.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng, chị T nói tiền này lấy từ người tên 9 H nhưng do chị T là người trực tiếp đưa tiền cho chị, chị có viết giấy nhưng không có ký tên.

- Ngoài ra, chị còn mượn thêm 53.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng,

chị có viết giấy mượn.

Tổng cộng, chị có mượn của chị T số tiền 268.000.000 đồng.

Chị mượn số tiền trên của chị T là để xây nhà cho chị và anh Đ là chồng chị ở, số tiền này phục vụ cho nhu cầu của vợ chồng chị chứ không phải cá nhân chị. Chị xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

*Đối với bị đơn, anh Nguyễn Văn Đ, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

*\*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Lê Thị T2 trình bày: Trước đây, chị có cho chị T (T1) mượn số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 06-01-2019 âm lịch, đến ngày 06-02-2019 âm lịch thì chị T đã trả lại tiền cho chị. Khi mượn, chị T không có nói cho chị biết là mượn để cho chị Bé Hai mượn lại mà nghĩ gia đình chị T có chuyện nên mới cho, nếu biết mượn để cho chị Bé Hai mượn lại thì chị đã không cho. Chị hoàn toàn không biết anh Đ, chị H. Qua xem xét biên nhận “ngày mùng 6-1-2019 tôi có mượn của T2 30.000.000đ Ba mươi triệu” mà chị T nộp để khởi kiện chị Bé H, anh Đ thì chị không có liên quan gì đến biên nhận này. Chị chỉ giao dịch tiền với chị T, chị T đã trả cho chị rồi nên không còn liên quan gì nữa, chị xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ yêu cầu khởi kiện đòi chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Đ phải liên đới trả cho chị số tiền 238.000.000 đồng tiền nợ vay, không yêu cầu tính lãi; rút lại yêu cầu đòi 30.000.000 đồng theo biên nhận ghi tên 9 H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Bé H phải trả cho chị số tiền vay 238.000.000 đồng nên căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại ấp BL, xã B, huyện C nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, chị Nguyễn Thị Bé H, anh Nguyễn Văn Đ không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản

3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa chị Nguyễn Thị T, có tên thường gọi là Tuyết và chị Nguyễn Thị Bé H có phát sinh giao dịch vay tài sản với số tiền 238.000.000 đồng, được thể hiện qua các giấy ghi nợ ngày 06-01-2019, 10-01-2019, 15-01-2019, 25-01-2019 âm lịch và 01 giấy không ghi ngày tháng. Các lần vay tiền này được chị H thừa nhận có nhận tiền từ chị T, chị H là người viết giấy nhận tiền, có giấy chị có ký tên, có giấy không ký. Trong đó có 01 biên nhận ghi mượn của “T2” nhưng được chị Lê Thị T2 thừa nhận đó là tiền chị cho chị T mượn, sau đó chị T cho chị H mượn nên chị không có ý kiến gì, giữa chị T2 và chị H, anh Đ không có giao dịch vay mượn với nhau. Mục đích chị H vay tiền của chị T là để sử dụng chung cho nhu cầu xây dựng nhà ở của chị và chồng chị là anh Nguyễn Văn Đ. Phía anh Đ không có ý kiến gì phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh nên phải có nghĩa vụ trả nợ cùng chị H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ. Chị H có ý kiến đồng ý trả tiền nhưng xin được trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng, việc này hai bên không có thỏa thuận trước đó và không được chị T đồng ý nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị H, anh Đ phải trả một lần để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu chị H, anh Đ phải trả số tiền 30.000.000 đồng theo biên nhận “Mượn 9 H 10.000.000 đồng, sao lấy thêm 20.000.000 đồng” không thể hiện ngày tháng, chị T không cung cấp được họ tên, địa chỉ của người tên 9 H để làm rõ nội dung biên nhận. Phía chị T rút lại yêu cầu khởi kiện phần này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì chị T được quyền khởi kiện lại bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Anh Đ, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T (T1).

Buộc chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả một lần cho chị Nguyễn Thị T số tiền 238.000.000 (Hai trăm ba mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đòi anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Bé H phải trả số tiền 30.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T. Chị T có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới chịu 11.900.000 (Mười một triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T được nhận lại 6.700.000 (Sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17289 ngày 03-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

4. Chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Bé H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ, chị Lê Thị T2 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị H vắng mặt khi xét xử, nhưng có mặt khi Hội đồng xét xử tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và*

*9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**